

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HÙNG VƯƠNG UKL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HÙNG VƯƠNG UKL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG VUONG UKL TRADING AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400971190

3. Ngày thành lập: 15/08/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Thiết Nham, Xã Minh Đức, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0904629158

Fax:

Email: hungvuongukl@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt thang máy, thang cuốn - Lắp đặt cửa cuốn, cửa tự động - Lắp đặt dây dẫn chống sét - Lắp đặt hệ thống hút bụi - Lắp đặt hệ thống âm thanh - Lắp đặt hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ nổ cát)	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543

13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (loại trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	4610
14.	Bán buôn thực phẩm	4632
15.	Bán buôn đồ uống	4633
16.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
17.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; hàng gốm, sứ, thủy tinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; giường, tủ, bàn ghế, thảm, và đồ dùng nội thất tương tự; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; túi nilon - Bán buôn dụng cụ y tế: Băng, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...; - Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: Máy đo huyết áp, máy trợ thính...	4649
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
22.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha (trừ loại Nhà nước cấm)	4661
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng miếng)	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
26.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
27.	Khai thác và thu gom than non	0520
28.	Khai thác dầu thô	0610
29.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
30.	Khai thác quặng sắt	0710
31.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721

32.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
34.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 62,74,75 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014)	6820
35.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn thuế, kế toán, kiểm toán, các vấn đề liên quan đến pháp lý)	7020
36.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng bao gồm: + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình nhà công nghiệp + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp năng lượng + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều) + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng chuyên biệt (cọc; gia cố, xử lý nền móng, kết cấu công trình; kết cấu ứng suất trước; kết cấu bao che, mặt dựng công trình;...) - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng bao gồm: + Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng + Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình công nghiệp + Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình giao thông + Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn + Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật + Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. - Thiết kế, giám sát thi công về phòng cháy chữa cháy - Thiết kế, giám sát thi công hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông trong công trình	7110
37.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
38.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
39.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra);	7320

40.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
41.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyên giao công nghệ	7490
42.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
43.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
44.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
45.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Trừ loại Nhà nước cấm)	0730
46.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: - Hoạt động khai thác mỏ để sản xuất ra các loại đá phục vụ việc xây dựng, cho điêu khắc ở dạng thô đã được đẽ gọt sơ bộ hoặc cưa cắt tại nơi khai thác đá như: Đá phiến cẩm thạch, đá granit, sa thạch... - Hoạt động chẻ, đập vỡ đá để làm nguyên liệu thô cho sản xuất vật liệu xây dựng, làm đường; - Hoạt động khai thác đá phần làm vật liệu chịu lửa; - Hoạt động đập vỡ, nghiền đá. (Chỉ triển khai hoạt động khi đáp ứng được điều kiện tại quy định Luật Khoáng sản và các quy định pháp luật khác có liên quan)	0810
47.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón Chi tiết: - Hoạt động khai thác muối nitơ, kali hoặc phốt pho tự nhiên; - Hoạt động khai thác lưu huỳnh tự nhiên; - Hoạt động khai thác pirít và chất chủ yếu chứa lưu huỳnh không kể hoạt động nung chảy; - Hoạt động khai thác quặng bari cacbonat, bari sunphat (barít), borat tự nhiên, sunfatmanhe tự nhiên; - Hoạt động khai thác khoáng chất khác chủ yếu chứa hoá chất như đất màu và fluorit. (Chỉ triển khai hoạt động khi đáp ứng được điều kiện tại quy định Luật Khoáng sản và các quy định pháp luật khác có liên quan)	0891
48.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
49.	Khai thác muối	0893
50.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, graphite tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica... (Chỉ triển khai hoạt động khi đáp ứng được điều kiện tại quy định Luật Khoáng sản và các quy định pháp luật khác có liên quan)	0899
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	0990

53.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: - Sản xuất quần áo bảo hộ lao động; - Sản xuất trang phục, nguyên liệu sử dụng có thể là bất kỳ loại nào có thể được tráng, phủ hoặc cao su hoá; - Sản xuất trang phục bằng da hoặc da tổng hợp bao gồm các phụ kiện bằng da dùng trong các ngành công nghiệp như tạp dề da; - Sản xuất quần áo khoác ngoài từ vải len, vải đan móc hoặc không phải đan móc... cho phụ nữ, nam giới, trẻ em như: áo khoác ngoài, áo jac ket, bộ trang phục, quần, váy..., - Sản xuất quần áo lót hoặc quần áo đi ngủ làm từ vải len, vải đan móc, cho nam giới, phụ nữ hoặc trẻ em như: Áo sơ mi, áo chui đầu, quần đùi, quần ngắn bó, bộ pyjama, váy ngủ, áo blu, áo lót, coóc xê..., - Sản xuất quần áo cho trẻ em, quần áo bơi, quần áo trượt tuyết; - Sản xuất mũ mềm hoặc cứng; - Sản xuất các đồ phụ kiện trang phục khác: Tất tay, thắt lưng, caravat, lưới tóc, khăn choàng; - Sản xuất đồ lễ hội; - Sản xuất mũ lưỡi trai bằng da lông thú; - Sản xuất giày, dép từ nguyên liệu dệt không có đế; - Sản xuất chi tiết của các sản phẩm trên như dập, xếp ly; - Gia công hàng may mặc;	1410
54.	In ấn	1811
55.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
56.	Sao chép bản ghi các loại	1820
57.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
58.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
59.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ sản xuất vàng)	2420
60.	Đúc sắt, thép	2431
61.	Đúc kim loại màu (trừ vàng)	2432
62.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
63.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
64.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
65.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
66.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
67.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
68.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (loại trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)	2599
69.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
70.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
71.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
72.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640

73.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
74.	Sản xuất đồng hồ	2652
75.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
76.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
77.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
78.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
79.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
80.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
81.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
82.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
83.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
84.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
85.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
86.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
87.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
88.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
89.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
90.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
91.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
92.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
93.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
94.	Sản xuất máy luyện kim	2823
95.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
96.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
97.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
98.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
99.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
100.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
101.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
102.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ quần áo (kể cả quần áo thể thao) đã qua sử dụng	4774
103.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
104.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

105.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
106.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt Chi tiết: - Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống đường sắt	5221
107.	Bốc xếp hàng hóa	5224
108.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
109.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển - Cho thuê không kèm người điều khiển, các thiết bị và đồ dùng hữu hình khác thường được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh: + Động cơ + Dụng cụ máy + Thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu + Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn + Thiết bị sản xuất điện ảnh + Thiết bị đo lường và điều khiển + Máy móc công nghiệp, thương mại và khoa học khác; - Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ (trừ xe có động cơ) không kèm người điều khiển: + Mô tô, xe lưu động, cắm trại..., + Động cơ tàu hỏa - Cho thuê container; - Cho thuê palet;	7730
110.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
111.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: - Dịch vụ vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống; - Vệ sinh và bảo dưỡng bể bơi; - Vệ sinh máy móc công nghiệp; - Vệ sinh mặt đường và tàu chở dầu trên mặt biển; - Dịch vụ tẩy uế và diệt trùng; - Dịch vụ vệ sinh khu nhà và các công trình khác chưa được phân vào đâu.	8129
112.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
113.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
114.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
115.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
116.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
117.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
118.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
119.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
120.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
121.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

122.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
123.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
124.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
125.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
126.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
127.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
128.	Xây dựng nhà không để ở	4102
129.	Xây dựng công trình đường sắt Chi tiết: - Xây dựng đường sắt (bao gồm cả cầu đường sắt); - Xây dựng hầm đường sắt; - Xây dựng đường tàu điện ngầm - Sơn đường sắt; - Lắp đặt rào chắn, biển báo giao thông đường sắt và các loại tương tự	4211
130.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
131.	Xây dựng công trình điện	4221
132.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
133.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
134.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
135.	Xây dựng công trình thủy	4291
136.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
137.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
138.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
139.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ mìn)	4311
140.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn)	4312
141.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt dây dẫn và thiết bị, đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học, đĩa vệ tinh, hệ thống chiếu sáng, chuông báo cháy, hệ thống báo động chống trộm, tính hiệu điện và đèn trên đường phố, đèn trên đường băng sân bay;	4321
142.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
143.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
144.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
145.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
146.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762

